TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **208**/2023/HS-PT
Ngày: 21-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**
Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường**
ông **Nguyễn Chí Công**

Thư ký phiên toà:ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số 104/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Đoàn Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Do có kháng cáo của bị hại Ngân hàng TMCP T4 và bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Lương Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị cáo không có kháng cáo*:

Đoàn Thị H, sinh năm 1971; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: 20 Chử Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 11/12; con ông: Đ (1942) và bà Lê Thị M (1945); chồng Lê Lương Y (1973), có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2021. Vắng mặt.

Bị hại có kháng cáo:

Ngân hàng TMCP T4 (T5); địa chỉ: Số E L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Bảo T – Trưởng phòng – Phòng xử lý nợ Miền Nam – Trung tâm Giám sát Tín dụng và Xử lý nợ khách hàng Doanh nghiệp – T5.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Nguyễn Văn H1 – Chuyên viên – Phòng xử lý nợ M – T5, có mặt.

Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà T - D, B P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Thu T1 – Chuyên viên – Phòng xử lý nợ M – T5, có mặt.

Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà T - D, B P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại không có kháng cáo

Ông Lê Quang K (1991); địa chỉ: A Đ, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.vắng mặt.

Bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Ông Lê Lương Y; địa chỉ: Số B Chử Đ, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được xác định như sau:

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ số A dãy E N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00680/22339, ngày 19/8/2013 cho ông Lê G và vợ là bà Nguyễn Thị N cùng trú tại địa chỉ K C, phường V, N. Ngày 17/11/2017, ông G và bà N tặng nhà, đất trên cho con ruột là ông Lê Lương Y và đã được Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N chỉnh lý biến động sang tên ông Y. Ngày 27/11/2017 và ngày 22/11/2019, ông Y thế chấp nhà, đất trên cho Ngân hàng TMCP N1 (V1) Chi nhánh Khánh Hòa để vay số tiền là 02 tỷ đồng.

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, địa chỉ KA54A C, phường V, thành phố N được UBND thành phố N cấp Giấy CN QSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00954/22339 ngày 29/4/2014 cho ông G và bà N. Ngày 09/01/2020, ông G và bà N có lập bản di chúc giao tài sản thừa kế là nhà và đất trên cho cháu nội là Lê Hoàng Phi L (sinh năm 2014, con của Y và H) sử dụng để ở và thờ cúng ông bà, tổ tiên không được thế chấp. Do ông Y làm việc tại Nhật Bản nên trước khi chết ông G đã giao bản chính Giấy CNQSDĐ tại địa chỉ KA54A C, phường V, thành phố N cho Đoàn Thị H.

Ông Lê G có 03 khoản tiền tiết kiệm gửi tại ngân hàng, gồm: Sổ tiết kiệm số AB 00005027848, số tài khoản: 4700614006557, số tiền gửi là 500.000.000đ tại Ngân hàng A Chi nhánh Khánh Hòa; Thẻ tiết kiệm số: 08262087, số tài khoản: 0065001174020, số tiền gửi là 1.000.000đ ngày 21/01/2020 tại Ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa; Thẻ tiết kiệm số: CA 07388685, số tài khoản: 260000159758, số tiền gửi là 1.003.000.000đ ngày 18/11/2019 tại Ngân hàng V2 Chi nhánh Khánh Hòa. Trước khi mất, ông Lê G không để lại di chúc đối với 03 khoản tiền tiết kiệm trên và giao 03 sổ tiết kiệm nêu trên cho H. Sau khi ông

Lê Giác m, H giao lại 03 sổ tiết kiệm trên cho con trai của ông G là ông Lê Minh T2.

Từ năm 2019 đến năm 2021, H vay tiền của nhiều người dẫn đến mất khả năng thanh toán nên nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy tờ để bán, thế chấp các căn nhà, đất trên và rút tiền tiết kiệm gửi tại ngân hàng của ông G để trả nợ. Cụ thể:

Đối với nhà, đất tại địa chỉ K C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa:

Khoảng tháng 01/2020, qua tìm hiểu trên mạng inernet, H đã liên lạc và trực tiếp gặp mặt 01 thanh niên tự xưng tên là H2 (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) để thỏa thuận thuê làm giả giấy ủy quyền của ông G, bà N với giá tiền là 20.000.000đ, H đã đưa trước 10.000.000đ cho H2 và cung cấp một số thông tin, tài liệu có liên quan như bản phô tô CMND của H, của ông G, bà N; sổ hộ khẩu; một số giấy tờ có chữ ký, điểm chỉ của ông G, bà N, chữ ký của Công chứng viên, hình dấu của Văn phòng C1 cho H2 chụp lại để làm giả giấy tờ. Khoảng 02 tuần sau, H2 đến gặp và đưa cho H các tài liệu làm giả là 01 Hợp đồng ủy quyền ngày 04/8/2017 của ông G và bà N cho H được toàn quyền chuyển nhượng nhà và đất tại địa chỉ KA54A C (*Chứng nhận hợp đồng tại* Văn phòng C1*, ngày 04/08/2017*), sau khi nhận thì H đã đưa cho H2 10.000.000đ còn lại.

Ngày 18/3/2020, H sử dụng Hợp đồng ủy quyền giả nêu trên để ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ KA54A C cho bà Nguyễn Thị Minh V tại Phòng C2 tỉnh Khánh Hòahánh Hòa (số C), với giá 1.000.000.000đ, H đã nhận đủ số tiền này (có giấy giao nhận tiền). Đến ngày 14/5/2020, bà V ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất trên lại cho H tại Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa (*số công chứng 2180*) cũng với giá 1.000.000.000đ, H đã thanh toán cho bà V đủ số tiền này (*có xác nhận bằng giấy giao nhận tiền*).

Vào các ngày 17/6/2020 và ngày 04/9/2020, H thế chấp tài sản trên tại Ngân hàng TMCP T4 (T6) Chi nhánh N2 để vay số tiền 3.214.000.000đ và được giải ngân như sau: Ngày 17/6/2020, Ngân hàng giải ngân số tiền 2.554.000.000đ chuyển đến tài khoản số 0061000059156 của bà Nguyễn Thị Minh V tại Ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa theo Ủy nhiệm chi ngày 17/6/2020 của H. Ngày 18/6/2020, bà V rút 2.554.000.000đ rồi đưa lại cho H toàn bộ số tiền trên; cùng ngày 17/6/2020, Ngân hàng giải ngân số tiền 60.000.000đ chuyển đến tài khoản số 39.39.79.68.001 của Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu thành phố H tại Ngân hàng T6 Chi nhánh C3 theo Ủy nhiệm chi của H để thanh toán mua bảo hiểm cho khoản vay của H tại Ngân hàng T6; ngày 04/9/2020, Ngân hàng giải ngân số tiền 600.000.000đ đến tài khoản số 03649771201 của H tại Ngân hàng T5 Chi nhánh N2. Toàn bộ số tiền 3.214.000.000đ, H đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 12/5/2021, H tiếp tục sử dụng tài liệu giả là Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên H để ký Hợp đồng đặt cọc về việc bán nhà và đất tại địa chỉ KA54A C cho ông Võ Thượng M1 tại Văn phòng C4. H đã nhận của ông M1 số tiền tiền đặt cọc là 700.000.000đ và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đối với nhà và đất tại số A dãy E N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa:

Khoảng cuối tháng 12/2020, H tiếp tục liên lạc với H2 để thuê làm giả giấy tờ nhằm mục đích rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 01 dãy E N mà ông Y đang thế chấp tại Ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa ra để bán, thế chấp lấy tiền trả nợ. H đưa trước cho H2 10.000.000đ và cung cấp một số giấy tờ có chữ ký, điểm chỉ của ông Y; chữ ký của công chứng viên và hình dấu của Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa để làm giả giấy tờ. Khoảng 01 tuần sau, H2 gặp và đưa cho H các tài liệu làm giả, gồm: **01** Bản sao Hợp đồng ủy quyền của ông Y cho H được toàn quyền thay mặt ông Y để làm các thủ tục xóa thế chấp và nhận lại Giấy CNQSDĐ tại ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa (*chứng nhận hợp đồng tại* Phòng C2 *tỉnh Khánh Hòa số 819, ngày 19/11/2020, chứng thực bản sao số 12116, ngày 25/01/2021*); **01** Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ số A dãy E N của ông Y cho H (*chứng nhận hợp đồng tại* Phòng C2 *tỉnh Khánh Hòa số 819, ngày 26/01/2021*); **01** Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Đoàn Thị H (*số 315/UBND-XNTTHN, ngày 18/12/2020 của* UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa). Ngoài ra, H2 còn đưa cho H 06 con dấu, gồm: 01 con dấu tròn có khắc dấu của Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa; 02 con dấu có khắc bộ số ngày tháng năm; 01 con dấu có khắc tên "Lê Lệ H3"; 01 con dấu có khắc chữ "Bản sao"; 01 con dấu, có khắc dòng chữ "Chứng thực bản sao với bản chính". Sau khi nhận các tài liệu giả và các con dấu giả nêu trên, H đã thanh toán thêm 15.000.000đ cho H2.

Để tất toán khoản vay của ông Lê Lương Y tại Ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa, H đã gặp và đề nghị ông Lê Quang K nộp số tiền 1.808.000.000đ vào Ngân hàng và hứa sẽ cùng ông Y bán nhà nêu trên cho ông K. Vì tin lời H và các giấy tờ do H cung cấp, nên ngày 26/01/2021, ông K đã chuyển số tiền 1.808.000.000đ đến tài khoản số 0061001044335 của ông Y tại Ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa để tất toán khoản vay của ông Y. Cùng ngày, H nộp cho Ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa tài liệu giả là Bản sao Hợp đồng ủy quyền của ông Y để làm thủ tục tất toán khoản vay của ông Y và nhận lại bản gốc Giấy CNQSDĐ số CH00680/22339 tại địa chỉ số A dãy E N. Sau đó, H đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp và được xác nhận xóa thế chấp cùng ngày. Ngày 27/01/2021, H nộp cho Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N: Giấy CNQSDĐ số CH00680/22339 nêu trên và tài liệu giả là Hợp đồng tặng cho của ông Y để làm thủ tục đăng ký biến động và đến ngày 29/01/2021 thì Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N chỉnh lý biến động trên Giấy CNQSDĐ nêu trên sang tên H. Do không muốn bán nhà, đất nêu trên cho ông K nên H đã thỏa thuận với ông K sẽ hoàn trả lại số tiền 1.808.000.000đ và được ông K đồng ý.

Ngày 06/02/2021, H thế chấp nhà, đất tại số A dãy E N, V, N cho Ngân hàng V3 Chi nhánh N2 để vay số tiền 3.500.000.000đ và được Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N xác nhận đăng ký thế chấp ngày 08/02/2021. Cùng ngày, Ngân hàng V3 Chi nhánh N2 giải ngân số tiến 3.500.000.000đ vào tài khoản số 232867884 của Lê Quang K mở tại Ngân hàng V3 Chi nhánh N2 theo Giấy đề

nghị giải ngân ngày 06/02/2021 của H. Theo thỏa thuận trước đó, K giữ lại số tiền 2.000.770.000đ, bao gồm: số tiền 1.808.000.000đ đã nộp vào để tất toán khoản vay của ông Y và 192.770.000đ là tiền H vay K trước đó. Cùng ngày 08/02/2021, ông K đã rút số tiền còn lại là 1.499.230.000đ rồi đưa hết cho H, H sử dụng toàn bộ số tiền nêu trên vào mục đích cá nhân.

Khoảng cuối tháng 3/2021, H tiếp tục thỏa thuận bán nhà đất tại số A dãy E N, V, N cho ông K và đề nghị ông K ứng tiền để H tất toán khoản vay thế chấp tại Ngân hàng V3 Chi nhánh N2, vì tin lời H và các giấy tờ do H đưa ra nên K đồng ý. Ngày 23/3/2021, K chuyển vào tài khoản số 233680257 của H tại Ngân hàng V4 Chi nhánh N2 số tiền 3.581.700.000đ để tất toán khoản vay (*bao gồm: Tiền gốc 3.500.000.000đ, tiền lãi: 81.700.000đồng*). Ngày 24/3/2021, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N xác nhận xóa đăng ký thế chấp. Cùng ngày, H sử dụng Giấy CNQSDĐ đã chỉnh lý sang tên H để ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại số A dãy E N, V, N cho ông K tại Văn phòng C5 với giá là 4.500.000.000đ (*có giấy xác nhận về việc giao nhận tiền, trong đó gồm 3.581.700.000đ đã ứng trước chuyển khoản cho* H *tất toán khoản vay và 918.300.000đ tiền mặt ông* K *trả cho* H *sau khi ký hợp đồng mua bán*). Số tiền 918.300.000đ nhận từ K, H sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đối với 03 khoản tiền tiết kiệm của ông Lê G:

Khoảng cuối tháng 10/2020, H nói với bà N rút tiền tiết kiệm của ông G để cho H mượn làm ăn, bà N đồng ý. Do ông G không để lại di chúc đối 03 khoản tiền tiết kiệm trên và ông T2 đang cất giữ 03 sổ tiết kiệm nên H nảy sinh ý định báo với Ngân hàng là mất sổ tiết kiệm và làm giả di chúc của ông G để rút tiền. H tiếp tục liên lạc và gặp H2 để thuê làm giả các giấy tờ. H đưa trước cho H2 10.000.000đ và cung cấp một số giấy tờ có chữ ký và hình dấu của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để làm giả giấy tờ. Khoảng 01 tuần sau, H2 gặp và đưa cho H 09 tài liệu làm giả, gồm: "*Đơn xin xác nhận*" đề ngày 02/11/2020, mang tên bà Nguyễn Thị N, chứng thực số 27, ngày 02/11/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Bản cam kết của những người thừa kế*" của bà Nguyễn Thị N, đề chứng thực ngày 20/02/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Di chúc*" đề ngày 23/01/2020, mang tên ông Lê G, chứng thực số 527, 3 ngày 23/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Bản di chúc*" đề ngày 20/01/2020, mang tên ông Lê G, chứng thực số 527, ngày 20/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Di chúc*" đề ngày 19/03/2020 của ông Lê G, chứng thực số 739, ngày 19/3/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Trích lục khai tử (bản sao)*" mang tên ông Lê G, đề số 457/TLKT-BS ngày 25/11/2020 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Trích lục khai tử (bản sao)*" mang tên ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS Hòa; ngày 24/02/2021 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Trích lục khai tử (bản sao)*" mang tên ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS ngày 22/11/2021 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Trích lục khai tử (bản sao)*" mang tên ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS, ngày 22/11/2021 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (bản có hình dấu của UBND phường V, thiếu

chữ ký của Phó chủ tịch UBND phường). Ngoài ra, H2 còn đưa thêm cho H 02 con dấu khắc dấu tròn của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, H thanh toán thêm 20.000.000đ cho H2.

Ngày 27/10/2020, H đưa bà N đến ngân hàng A Chi nhánh Khánh Hòa để làm các thủ tục rút tiền tiết kiệm của ông G. Quá trình làm thủ tục, H hướng dẫn bà N ký toàn bộ các giấy tờ liên quan, H là người đưa các tài liệu giả để nộp cho ngân hàng, gồm: "*Di chúc*" đề ngày 23/01/2020, mang tên ông Lê G, chứng thực số 527, ngày 23/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Trích lục khai tử (bản sao)*" mang tên ông Lê G, đề số 457/TLKT-BS ngày 25/11/2020 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Bản cam kết của những người thừa kế*" của bà Nguyễn Thị N, đề chứng thực ngày 20/02/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "*Đơn xin xác nhận*" đề ngày 02/11/2020, mang tên bà Nguyễn Thị N, chứng thực số 27 ngày 02/11/2020 tại UBND phường V, tỉnh Khánh Hòa. Đến ngày 15/12/2020 thì bà N đã nhận được từ ngân hàng A số tiền 497.678.200đ.

Ngày 29/10/2020, H tiếp tục đưa bà N đến ngân hàng V1 Chi nhánh Khánh Hòa để làm các thủ tục rút tiền tiết kiệm của ông G. H hướng dẫn bà N ký toàn bộ các giấy tờ liên quan, H là người đưa tài liệu giả là "*Bản di chúc*" đề ngày 20/01/2020, mang tên ông G (chứng thực số 527 ngày 20/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) để nộp cho ngân hàng. Ngày 09/11/2020, bà N đã nhận được từ Ngân hàng V1 với số tiền là 951.257.535đ.

Sau khi nhận được 02 khoản tiền nêu trên (tổng cộng là 1.448.935.735đ), bà N đã đưa toàn bộ cho H và H sử dụng vào mục đích cá nhân.

Khoảng cuối tháng 10/2020, H đưa bà N đến ngân hàng V2 Chi nhánh Khánh Hòa để làm thủ tục rút tiền tiết kiệm của ông G. H là người đưa tài liệu giả để cung cấp cho ngân hàng, gồm: "*Di chúc*" đề ngày 19/03/2020 của ông G (chứng thực số 739, ngày 19/3/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) và "*Trích lục khai tử (bản sao)*" mang tên ông G (số 71/TLKT-BS, ngày 24/02/2021 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa). Do hồ sơ không đúng quy định nên Ngân hàng V2 Chi nhánh Khánh Hòa đã không giải quyết yêu cầu rút tiền tiết kiệm nêu trên.

Kết luận giám định số 94/GĐTP/2021 ngày 03/02/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh Khánh Hòa đã kết luận: Giấy CNQSDĐ số BS632582, số vào sổ cấp GCN: CH00954/22339 ngày 29/4/2014 (Tài liệu cần giám định - ký hiệu **A**) là giả.

Tại các Kết luận giám định số: 109/GĐ-GT/2021 ngày 29/4/2021; số 108/GĐTP/2021 ngày 12/5/2021; số 171/GĐTP/2021 ngày 31/5/2021; số 172/GĐ- GT/2021 ngày 08/6/2021; số 289/GĐ-GT/2021 ngày 30/7/2021; số 299/GĐ- GT/2021 ngày 13/8/2021; số 300/GĐ-GT/2021 ngày 28/9/2021 đều của Phòng K2 Công an tỉnh Khánh Hòa đã xác định các giấy tờ, tài liệu sau là giả: Hợp đồng ủy quyền của ông Lê G và bà Nguyễn Thị N cho Đoàn Thị H đề chứng nhận hợp đồng tại Văn phòng C1, ngày 04/08/2017; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở của ông Lê Lương Y cho Đoàn Thị

H, đề chứng nhận hợp đồng số 819, ngày 26/01/2021 tại Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa; Bản sao Hợp đồng ủy quyền của ông Lê Lương Y cho Đoàn Thị H đề chứng nhận hợp đồng số 819, ngày 19/11/2020, chứng thực bản sao số 12116, ngày 25/01/2021 tại Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa; "Di chúc" của ông Lê G đề ngày 23/01/2020, chứng thực số 527 ngày 23/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Di chúc" đề ngày 20/01/2020 của ông Lê G, chứng thực số 527, ngày 20/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Trích lục khai tử" của ông Lê Giác đ số 457/TLKT-BS, ngày 25/11/2020 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Đơn xin xác nhận" đề ngày 02/11/2020 của bà Nguyễn Thị N, chứng thực số 27 ngày 02/11/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Bản cam kết của những người thừa kế" của bà Nguyễn Thị N, chứng thực ngày 20/02/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Di chúc" đề ngày 19/03/2020 của ông Lê G, chứng thực số 739, ngày 19/3/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Trích lục khai tử (bản sao)" của ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS, ngày 24/02/2021 (tài liệu ông Lê Minh T2 cung cấp cho UBND phường V).

Kết luận giám định số 165/GĐ-GT/2022/KL-KTHS ngày 21/5/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh Khánh Hòa đã xác định 06 con dấu gửi giám định là con dấu trực tiếp đóng ra hình dấu trên 10 tài liệu, gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở của ông Lê Lương Y cho Đoàn Thị H, đề chứng nhận hợp đồng số 819, ngày 26/01/2021 tại Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa; Bản sao Hợp đồng ủy quyền của ông Lê Lương Y cho Đoàn Thị H đề chứng nhận hợp đồng số 819, ngày 19/11/2020, chứng thực bản sao số 12116, ngày 25/01/2021 tại Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa; "Di chúc" đề ngày 20/01/2020 của ông Lê G, chứng thực số 527, ngày 20/01/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Trích lục khai tử" của ông Lê Giác đ số 457/TLKT-BS, ngày 25/11/2020 của UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Đơn xin xác nhận" đề ngày 02/11/2020 của bà Nguyễn Thị N, chứng thực số 27 ngày 02/11/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Bản cam kết của những người thừa kế" của bà Nguyễn Thị N, chứng thực ngày 20/02/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Di chúc" đề ngày 19/03/2020 của ông Lê G, chứng thực số 739, ngày 19/3/2020 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "Trích lục khai tử (bản sao)" của ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS, ngày 24/02/2021 (tài liệu do ông Lê Minh T2 cung cấp cho UBND phường V, bản có chữ ký); "Trích lục khai tử (bản sao)" của ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS, ngày 22/11/2021 (tài liệu thu giữ khi khám xét, bản không có chữ ký); "Trích lục khai tử (bản sao)" của ông Lê G, đề số 71/TLKT-BS, ngày 22/11/2021, (tài liệu thu giữ khi khám xét, bản có chữ ký dưới mục "PHÓ CHỦ TỊCH").

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ***đã quyết định:***

1. *Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo* Đoàn Thị H.

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị H ***16*** *(mười sáu)* ***năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 03*** *(ba)* ***năm tù về tội"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"****. Tổng hợp hình phạt,* ***buộc bị cáo*** Đoàn Thị H ***phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 19*** *(mười chín)* ***năm tù****. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/12/2021.*

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, các bị hại bà Nguyễn Thị Minh V*; ông* Võ Thượng M1*; đại diện* Ngân hàng thương mại cổ phần T7*; đại diện* Ngân hàng thương mại cổ phần V5 *và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.*

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường giữa bị cáo Đoàn Thị H *với bị hại anh* Lê Quang K*, cụ thể: Bị cáo* Đoàn Thị H *có nghĩa vụ bồi thường cho anh* Lê Quang K *số tiền* ***2.499.230.000đ*** *(hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).*

- Ông Lê Lương Y có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Lê Quang K *số tiền* ***1.808.000.000đ*** *(một tỷ tám trăm lẻ tám triệu đồng).*

3.Về vật chứng*: Áp dụng điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.*

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại nhãn hiệu iphone màu trắng vàng có số imei 353287079358152, kèm theo sim điện thoại Mobifone 4G (số điện thoại 0787966879, mã số sim 8401201134146951) (chưa rõ tình trạng chất lượng) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Đoàn Thị H.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: ***01*** *(một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu đỏ đen, có khắc dấu hình tròn, hình quốc huy ở giữa và khắc chữ "U.B.N.D P. VĨNH THỌ TP. NHA TRANG T.KHÁNH HÒA★", mực màu đỏ (ký hiệu* ***A1****);* ***01*** *(một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu đỏ đen, có khắc dấu hình tròn, hình quốc huy ở giữa và khắc chữ "U.B.N.D PHƯỜNG VĨNH THỌ TP. NHA TRANG T.KHÁNH HÒA★", mực màu đỏ (ký hiệu* ***A2****);* ***01*** *(một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu đỏ đen, có khắc dấu hình tròn và dòng chữ "SỞ TƯ PHÁP★TỈNH KHÁNH HÒA★", "PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1", mực màu đỏ (ký hiệu* ***A3****);* ***01*** *(một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu xanh lá cây và đen, có khắc bộ số ngày tháng năm, mực màu xanh (ký hiệu* ***A4****);* ***01*** *(một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu xanh dương và đen, có*

*khắc bộ số ngày tháng năm, mực màu xanh (ký hiệu **A5**); **01** (một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu đen, có khắc khắc dòng chữ "*Lê Lệ H3*", mực màu đỏ (ký hiệu **A6**); **01** (một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu đỏ đen, có khắc dòng chữ "BẢN SAO", mực màu đỏ (ký hiệu **A7**); **01** (một) con dấu liền mực có vỏ bằng nhựa màu đỏ đen, có khắc các dòng chữ "CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực… Quyển số… SCT/BS Ngày: PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 TỈNH KHÁNH HÒA CÔNG CHỨNG VIÊN", mực màu đỏ (ký hiệu **A8**).*

Các vật chứng nêu trên đều theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/9/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa *với Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa.*

- Trả lại cho ông Lê Lương Y 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà, đất tại địa chỉ KA54A C, V, N *và số 01 dãy E* Nguyễn Đình C, V, N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất do chậm trả và quyền thi hành án.

Ngày 24/02/2022 Ngân hàng TMCP T4 có đơn kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, lý do kháng cáo của Ngân hàng TMCP T4 cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm tách phần dân sự liên quan Ngân hàng TMCP T4 ra để giải quyết bằng vụ án khác là không đúng pháp luật và tại phần Quyết định về xử lý vật chứng của Bản án sơ thẩm đã tuyên trả lại GCNQSDĐ tại địa chỉ KA54A C và số A dãy E N, V, N là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP T4.

Ngày 16/01/2022 bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Lương Y có đơn kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, lý do kháng cáo ông Y cho rằng, tại Bản án sơ thẩm đã buộc ông Y trả cho ông K số tiền 1.808.000.000 đồng là không đúng, trong khoản tiền trên, trước đó ông Y đã đưa cho bị cáo H 500.000.000đồng để trả cho Ngân h, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng TMCP T4 và ông Lê Lương Y giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP T4 và ông Lê Lương Y, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung Bản án sơ thẩm, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, kháng cáo của bị hại là hợp lệ và trong thời hạn luật định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xem xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP T4 Chi nhánh N2 về việc tách phần *"Trách nhiệm dân sự"* và phần *"Xử lý vật chứng"* tại Bản án hình sự sơ thẩm, xét thấy:

Theo nội dung vụ án cho thấy, vào các ngày 17/6/2020 và 04/9/2020 bị cáo H sử dụng Giấy chứng nhận giả để thế chấp nhà, đất tại KA54A Cù Lao T3, V cho Ngân hàng TMCP T4, Chi nhánh N2 vay tổng cộng **3.214.000.000đ**, số tiền này được giải ngân như sau: 2.554.000.000đ chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Minh V, sau đó bà V đã rút toàn bộ số tiền này đưa lại cho H; 60.000.000đ chuyển vào tài khoản của Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu thành phố H mở tại Ngân hàng TMCP T4 Chi nhánh C3 để thanh toán mua bảo hiểm cho khoản vay của H tại Ngân hàng TMCP T4; 600.000.000đ chuyển vào tài khoản cá nhân của H. Như vậy, H đã có hành vi gian dối dùng giấy tờ giả thế chấp để vay vốn nhằm chiếm đoạt của Ngân hàng T4, Chi nhánh N2 số tiền 3.214.000.000đ, số tiền này là hậu quả thiệt hại trong vụ án, quá trình tham gia tố tụng, tuy ngày 10/01/2022 Ngân hàng T4 đã có văn bản yêu cầu bị cáo Đoàn Thị H bồi thường thiệt hại gửi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. *Ngoài ra, theo nội dung Bản án sơ thẩm cũng đã xác định bị cáo* H *còn dùng giấy tờ giả* nhà, đất tại KA54A Cù Lao T3 nói trên để *hợp đồng chuyển nhượng cho ông* Võ Thượng M1*, chiếm đoạt 700.000.000 đồng (tiền đặt cọc). Tại phiên tòa sơ thẩm,* Ngân hàng TMCP T4, Chi nhánh N2 *và ông* Võ Thượng M1 đều vắng mặt*, xét thấy, việc giải quyết quan hệ dân sự trong vụ án hình sự cần phải được làm rõ tại phiên tòa, thông qua tranh tụng để chứng minh và hỏi rõ các yêu cầu về thiệt hại, về tiền lãi, phương thức thanh toán và hai bên có thương lượng, thỏa thuận gì với nhau hay không, nhưng do* Ngân hàng TMCP T4, Chi nhánh N2 *và ông* Võ Thượng M1 *là những người bị hại đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không đủ điều kiện để giải quyết, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã* tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với phần Quyết định về xử lý vật chứng của Bản án sơ thẩm đã tuyên trả lại GCNQSDĐ tại địa chỉ KA54A C và số A dãy E N, V, N, như đã phân tích nêu trên, bị cáo H đã có hành vi gian dối, giả mạo giấy tờ để chiếm đoạt tài sản của ông Lê Lương Y, bị cáo đã dùng hồ sơ giả mạo đó để thế chấp cho Ngân hàng TMCP T4, do vậy, tại Bản án sơ thẩm đã xử lý trả lại cho ông Y là có cơ sở, không xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP T4.

[3]. Xem xét kháng cáo của ông Lê Lương Y, xét thấy: Nhà đất tại số A dãy E N, V, N ông Y đang thế chấp tại Ngân hàng V3, Chi nhánh N2, số tiền dư nợ gốc và lãi là 1.808.000.000đ, do có động cơ lừa đảo nhằm chiếm đoạt nhà đất tại số A dãy E N, nói trên, bị cáo H đã thuê người khác làm giả một số giấy tờ để thanh toán khoản nợ của ông Y tại Ngân hàng để rút GCNQSDĐ mà ông Y đang thế chấp tại Ngân hàng V3, để có tiền thanh toán khoản vay của ông Y,

H đã liên hệ hứa bán nhà đất trên cho ông Lê Quang K, ông K đồng ý chuyển số tiền 1.808.000.000đ thanh toán khoản nợ của ông Y, sau khi rút được GCNQSDĐ, bị cáo H đã giả mạo nhiều thủ tục để Văn phòng đăng ký đất đai xóa thế chấp đồng thời lập giả Hợp đồng tặng cho của ông Y để chỉnh lý biến động nhà đất tại số A dãy E N, V, N sang tên cho bị cáo H, như vậy, tại Bản án sơ thẩm buộc ông Lê Lương Y có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Lê Quang K số tiền 1.808.000.000đ *(một tỷ tám trăm lẻ tám triệu đồng)* là có căn cứ, việc ông Y kháng cáo cho rằng ông K được trả khoản tiền 1.808.000.000 đồng hai lần là không đúng.

Đối với kháng cáo ông Y cho rằng trước đó ông Y đã đưa cho bị cáo H 500.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng V3 thì chưa có cơ sở chứng minh và giải quyết trong vụ án này, hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét, khi có yêu cầu có thể giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP T4 và kháng cáo của ông Lê Lương Y *(liên quan phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng)*, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đoàn Thị H, trách nhiệm dân sự giữa bị cáo Đoàn Thị H với bị hại Lê Quang K, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, xử lý vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/9/2022, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng nên Ngân hàng TMCP T4, Chi nhánh N2 và ông Lê Lương Y phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP T4, Chi nhánh N2 và kháng cáo của ông Lê Lương Y*(liên quan phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng)*, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Áp dụng Điều 30; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 115; Điều 158; Điều 166; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Tách phần dân sự trong vụ án hình sự Đoàn Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" giữa các bị hại bà Nguyễn Thị Minh V; ông Võ Thượng M1; Ngân hàng thương mại cổ phần T7; Ngân hàng thương mại cổ phần V5 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án nói trên ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi các đương sự có yêu cầu.

- Buộc ông Lê Lương Y có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Lê Quang K số tiền 1.808.000.000đ *(một tỷ tám trăm lẻ tám triệu đồng)*.

3.Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho ông Lê Lương Y 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà, đất tại địa chỉ KA54A C, V, N và số 01 dãy E Nguyễn Đình C, V, N.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đoàn Thị H, trách nhiệm dân sự giữa bị cáo Đoàn Thị H với bị hại Lê Quang K, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, xử lý vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/9/2022 của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23; Điều 29, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP T4, Chi nhánh N2 và ông Lê Lương Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV CA tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo (qua trại giam)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi